

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI  
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/DS-ST

Ngày: 21-5-2024

V/v: “*Tranh chấp  
hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Na Na**

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Thương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Văn Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy T - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2024/TLST - DS ngày 24 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1966;

Địa chỉ: số C P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; (*vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt*).

**Bị đơn:**

- Ông Võ Thành C, sinh năm 1968;

- Bà Nguyễn Thị Hiền G, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số I N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (*vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 15-01-2024; đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân H trình bày:

Vì chỗ bạn bè quen biết nhau, ngày 06-01-2023 nguyên đơn có cho bị đơn ông Võ Thành C, bà Nguyễn Thị Hiền G vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), thời hạn vay 02 tháng, kể từ ngày 06-01-2023 (có viết giấy mượn tiền). Ngày 06-4-2023 nguyên đơn tiếp tục cho bị đơn là ông C, bà G vay với số tiền 20.000.000 đồng (bà G viết giấy mượn tiền) thời hạn vay 01 tháng, kể từ ngày 06-4-2023. Tổng số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Trong quá trình vay mượn tiền, bị đơn đã trả cho nguyên đơn với số tiền 13.000.000 đồng. Hiện nay, bị đơn còn nợ nguyên đơn với tổng số tiền 107.000.000 đồng (*Một trăm lẻ bảy triệu đồng*).

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết: Buộc bị đơn (ông C, bà G) phải trả cho nguyên đơn với tổng số tiền nợ gốc 107.000.000 đồng.

*\* Đối với bị đơn ông Võ Thành C, bà Nguyễn Thị Hiền G:* Từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn đều vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn không đến Toà án; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không cung cấp tài liệu chứng cứ và không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

*Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu như sau:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật, vi phạm các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy bị đơn có viết giấy vay tiền của nguyên đơn với tổng số tiền vay 120.000.000 đồng (tại 02 giấy vay tiền ngày 06/01/2023 và giấy vay tiền 06/4/2023). Trong quá trình vay tiền, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 13.000.000 đồng, bị đơn còn nợ là 107.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn (ông C, bà G) phải trả số tiền còn nợ 107.000.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ các Điều 463, 466; 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 26, 35, 39, 91, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân H về việc yêu cầu ông

C, bà G phải trả 107.000.000 đồng. Ông C, bà G phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân H có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Võ Thành C, bà Nguyễn Thị Hiền G phải trả số tiền còn nợ 107.000.000 đồng cho nguyên đơn. Tại thời điểm bà H khởi kiện thì bị đơn ông C, bà G có nơi cư trú tại số nhà I N, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi đã thụ lý vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân H là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn ông Võ Thành C, bà Nguyễn Thị Hiền G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông C, bà G theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Về nội dung:** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân H buộc bị đơn ông Võ Thành C, bà Nguyễn Thị Hiền G có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 107.000.000 đồng theo 02 giấy mượn tiền ngày 06-01-2023 và ngày 06-4-2023, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Giấy mượn tiền đề ngày 06-01-2023 có chữ ký của ông Võ Thành C và bà Nguyễn Thị Hiền G; giấy mượn tiền ngày 06-4-2023 có chữ ký của bà Nguyễn Thị Hiền G. Nội dung tại các giấy nợ tiền thể hiện việc bên mượn có nợ tiền của bên cho mượn với số tiền tổng cộng là 120.000.000 đồng (ngày 6-4-2023 vay với số tiền 20.000.000 đồng và 06-01-2023 vay với số tiền 100.000.000 đồng). Nên có đủ căn cứ để xác định các giấy mượn tiền đề ngày 06-01-2023 và ngày 06-4-2023 về việc nợ tiền của bà Nguyễn Thị Xuân H là Hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân H xác nhận tính đến ngày 23/01/2024 bị đơn ông C, bà G đã trả cho nguyên đơn với số tiền 13.000.000 đồng (tiền gốc). Số tiền gốc còn lại bị đơn ông C, bà G chưa trả còn nợ lại nguyên đơn là 107.000.000 đồng.

Theo Giấy mượn tiền đề ngày 06-01-2023 thời hạn ông C, bà G phải trả hết nợ gốc cho bà H là 02 tháng kể từ ngày 06-01-2023 (tức là 06-3-2023) và theo giấy mượn tiền ngày 06-4-2023 thời hạn bị đơn phải trả hết nợ gốc cho nguyên đơn là 01 tháng kể từ ngày 06-4-2023 (tức là 06-5-2023). Nhưng đến nay bị đơn ông C, bà G chưa trả cho bà H số tiền nợ gốc 107.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo như cam kết của bị đơn, vi phạm Điều 463, Điều 466; 470 Bộ luật

dân sự năm 2015. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân H buộc ông Võ Thành C, bà Nguyễn Thị Hiền G có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Xuân H số tiền nợ gốc 107.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Thành C, bà Nguyễn Thị Hiền G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là  $107.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.350.000 \text{ đồng}$  án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 238; 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 463; 466; 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân H đối với ông Võ Thành C, bà Nguyễn Thị Hiền G về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc ông Võ Thành C, bà Nguyễn Thị Hiền G có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Xuân H số tiền nợ gốc 107.000.000 đồng (*Một trăm lẻ bảy triệu đồng*).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Thành C, bà Nguyễn Thị Hiền G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.350.000 đồng (*Năm triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Bà Nguyễn Thị Xuân H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Xuân H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.675.000 đồng (*Hai triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001519 ngày 24-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi.
- Chi Cục THADS TP. Quảng Ngãi.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Na Na**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

N1

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Đạt Lê Thị Huyền T1

Lê Thị Na N